TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Thành Tài
2. Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Chị Trần Kim U, sinh năm: 1974.*
- *Bị đơn: Anh Phạm Thành C, sinh năm: 1971.*

Cùng trú tại: Tổ 11, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quang Nam.
Chị U có mặt, anh C được tống đạt hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Kim U trình bày:

Chị và anh Phạm Thành C tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 1999. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với nhau nhưng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C hay ghen tuông vô cớ cho dù lúc đó chị đi làm. Do thường xuyên cải vả nhau nên đầu năm 2018 chị U về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng anh chị ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị

thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, nếu có kéo dài thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Thành C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung tên là: Phạm Kinh K, sinh năm 1998 và Phạm Uyên P, sinh ngày: 25/11/2001. Hiện nay cháu K đã lớn nên không yêu cầu xem xét. Đối với cháu P hiện nay đang sống với anh C. Hơn nữa bản thân chị trước đây đi làm công ty nhưng do anh C hay ghen nên không cho chị đi làm nữa. Trong thời gian chờ Tòa giải quyết ly hôn chị cũng chưa có việc làm. Chị U dự định sau khi ly hôn xong chị sẽ đi xa để tìm kiếm công việc làm. Chị U muốn cháu P tiếp tục sống với anh C. Về cấp dưỡng chị U tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu P cùng với anh C mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị và anh C có nhà nhưng chị không yêu cầu giải quyết vì chị muốn chồng và các con có nơi sinh sống.

Về nợ chung và cho mượn nợ: Vợ chồng chị không có nợ chung và không cho ai mượn nợ.

* Bị đơn anh Phạm Thành C không đến Tòa án, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu P cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cháu P. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị U mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Phạm Thành C cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Phạm Thành C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý lại vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử;

Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tống đạt đến người nhà của bị đơn, niêm yết tại nhà bị đơn và tại UBND thị trấn H, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Kim U và anh Phạm Thành C là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 do Uỷ ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 10/5/1999. Sau khi kết hôn, chị U xác định vợ chồng thường hay mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng chị hay ghen tuông vô cớ. Dẫn đến việc vợ chồng anh chị thường xuyên cải vả, xúc phạm nhau. Sau đó vợ chồng anh chị sống ly thân nhau. Vợ chồng phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án muốn tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng anh C không đến tòa án để hòa giải. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Trần Kim U xin được ly hôn với anh Phan Công T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị U anh C có 02 con chung tên là: Phạm Kinh K, sinh năm 1998 và Phạm Uyên P, sinh ngày: 25/11/2001. Hiện nay cháu K đã lớn nên không yêu cầu xem xét. Đối với cháu P hiện nay đang sống với anh C. Nguyện vọng của cháu P muốn sống với anh C. Hơn nữa bản thân chị U cũng không mong muốn nuôi con. Hội đồng xét xử giao cháu P cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cháu P.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay chị U cho rằng hiện nay chị chưa có việc làm, sau khi giải quyết ly hôn chị sẽ xin việc làm tại Công ty may. Nhưng vì là cha mẹ nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị U tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Uyên P, sinh ngày 25/11/2001 cùng anh C mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị U khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Kim U phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trần Kim U phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng về án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền:

300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị U đã nộp theo biên lại thu số 0020621 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Kim U. Chị Trần Kim U được ly hôn với anh Phạm Thành C.

2. Về nuôi con chung:

2.1.Giao cháu Phạm Uyên P, sinh ngày: 25/11/2001 cho anh Phạm Thành C trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chập nhận sự tự nguyện về cấp dưỡng nuôi con của chị U. Chị Trần Kim U phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Phạm Uyên P cùng anh C mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu chị U không chịu thi hành thì hàng tháng chị U còn phải chịu trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị U khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trần Kim U phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Ngoài ra chị Trần Kim U còn phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng về án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị U đã nộp theo biên lại thu số 0020621 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND thị trấn H;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đặng Phùng Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**